TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH Đ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N** **Độc lập - Tự do - H phúc**

Bản án số: 22/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 14-6-2022
"*V/v ly hôn, chia tài sản chung khi ly hôn,*
Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C TỈNH Đ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thanh Hải

2. Bà Bùi Thanh Thúy

Thư ký phiên toà: Ông Phạm Văn M - Thư ký Toà án nhân dân huyện C.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Đ tham gia phiên tòa: Ông Trần Cao L - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 07 tháng 6 và 14 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 505/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2019 về "*Tranh chấp ly hôn, chia tài sản chung khi ly hôn; Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất",*theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 28 tháng 4 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 27/QĐST-DS ngày 20 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Đào Văn Q, sinh năm 1972; trú tại: Số nhà 324F, khóm Tân An, phường Tân Hội, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn :Ông Trương Ngọc S – Luật sư Văn phòng Luật sư Ngọc S, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Vĩnh Long.

Địa chỉ: Số nhà 67/28E, đường Phó Cơ Điều, Phường 4, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: Chị Mai Thị Thanh T, sinh năm 1974; trú tại Số 110, Quốc lộ 80, ấp Tân TH, xã An Nhơn, huyện C, tỉnh Đ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Võ Thành N là thành viên Văn phòng luật sư Chí Công, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đ.

Địa chỉ: Số nhà 02, đường Nguyễn Cư Trinh, Khóm 5, Phường 1, thánh phố Sa Đéc, tỉnh Đ.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Anh Lê Mạnh C1, sinh năm 1971; trú tại: Số nhà 31/80, đường Phan Huy Ích, Phường 15, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí M.

Người đại diện hợp pháp: Ông Cao M Trí, sinh năm 1970; trú tại: Số nhà 273, khóm Sa Nhiên, phường Tân Quy Đông, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đ, là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (Văn bản ủy quyền ngày 25 tháng 3 năm 2020).

3.2. Anh Nguyễn Ngọc M, sinh năm 1976; trú tại: Số nhà 150, đường Phạm Ngọc Thạch, Khu phố 5, phường Hiệp Thành, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

4. Người làm chứng:

4.1. Bà Phạm Thị H, sinh năm 1949; trú tại: Số nhà 324, ấp Tân An, xã Tân Hội, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long. (Vắng mặt)

4.2. Bà Lê Thị X, sinh năm 1940; trú tại: Số nhà 108, Tổ 8, ấp Tân TH, xã An Nhơn, huyện C, tỉnh Đ. (Có đơn xin vắng mặt)

4.3. Chị Đào Thị H1, sinh năm 1982; trú tại: ấp Tân Hưng, xã Tân H2, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long. (Vắng mặt)

4.4. Ông Mai An H2, sinh năm 1972; trú tại: ấp Tân TH, xã An Nhơn, huyện C, tỉnh Đ. (Có đơn xin vắng mặt)

4.5. Ông Mai An Khương, sinh năm 1963; trú tại: Số nhà 112/4, QL 80, ấp Tân TH, xã An Nhơn, huyện C, tỉnh Đ. (Có mặt)

4.6. Ông Mai An Ninh, sinh năm 1969; trú tại: Số nhà 245/1/39, đường Ngô Thời Nhậm, Phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đ. (Có đơn xin vắng mặt)

4.7. Ông Mai An M, sinh năm 1961; trú tại: Số nhà 29, Đường số 2, Khu Trung tâm thương mại khóm 4, Phường 1, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đ. (Có đơn xin vắng mặt)

4.8. Bà Mai Thị Thanh T, sinh năm 1967; trú tại: ấp Bình Tân, xã Bình TH, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đ. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn anh Đào Văn Q trình bày:

Anh Q và chị Mai Thị Thanh T tự tìm hiểu 3 năm, sau đó tổ chức cưới và đăng ký kết hôn ngày 12-12-1996 tại Uỷ ban nhân dân xã An Nhơn, huyện C, Đ. Quá trình chung sống H phúc. Mâu thuẫn phát sinh từ tháng 6/2019, nguyên nhân là do tiền bạc, thường bất đồng quan điểm sống dẫn đến mất H phúc trong gia đình. Từ đó, anh Q và chị T ly thân. Nay, anh Q yêu cầu giải quyết:

- Về hôn nhân: Anh Q yêu cầu ly hôn chị T.

- Về con chung: Có 02 con chung tên: Đào Mai T Quỳnh, sinh ngày 27/02/1999 và Đào Mai Huỳnh L, sinh ngày 30/12/2002 (trường thành, tự lao động sinh sống được) nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung:

+ Yêu cầu chia đôi thửa đất số 44, tờ bản đồ số 28, diện tích 306,1m^2, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày

11/02/2015 cho chị Mai Thị Thanh T đứng tên,vị trí yêu cầu được chia phía giáp với đất Mai An T3. Hiện tại thửa đất này chị T đã chuyển nhượng cùng với thửa đất số 49 cho ông Lê Mạnh C1. Theo đó, anh Q yêu cầu Tòa án tuyên bố vô hiệu một phần đối với hợp đồng chuyển nhượng đất ngày 21/11/2019 giữa chị T và ông C1.

+ Yêu cầu chia đôi giá trị quán ăn, vật kiến T trên thửa đất số 44 và 49 theo biên bản định giá ngày 22/4/2020 số tiền là 75.966.000 đồng. Đối với các bàn ghế phục vụ quán ăn tự thỏa thuận không yêu cầu chia.

+ Xe mô tô 03 chiếc gồm: Hiệu Airblack biển số 66H-6888, anh Q đứng tên, chị T đang quản lý, sử dụng; Airblack biển số 66C1-464-99, anh Q mua, anh Q đang quản lý, sử dụng; Yamaha 66C1-168 88 chị T đứng tên, chị T đang quản lý, sử dụng anh Q và chị T tự thỏa thuận không yêu giải quyết.

+ Căn nhà cấp 4 xây dựng trên phần đất của bà X (mẹ vợ), anh Q và chị T tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Anh Q không đồng ý chia cho chị T 110.000.000 đồng giá trị xe ô tô biển số 50Z -4991, vì là xe của anh M.

Bị đơn, Mai Thị Thanh T trình bày:

Chị T thống nhất trình bày của anh Q về thời gian chung sống, đăng ký kết hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh Q làm ăn thất bại, kinh tế khó khăn, anh Q không phụ lo chi phí sinh hoạt trong gia đình, không tiếp trả nợ. Chị T và anh Q đã ly thân từ tháng 6/2019. Nay chị T không đồng ý ly hôn với anh Q. Lý do anh Q có vợ khác và đã có con. Tại phiên tòa chị T xác định không còn tình cảm với anh Q và đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung tên: Đào Mai T Quỳnh, sinh ngày 27/02/1999 và Đào Mai Huỳnh L, sinh ngày 30/12/2002 (trường thành, tự lao động sinh sống được). Hiện con chung tên Đào Mai Huỳnh L, sinh ngày 30/12/2002 do chị T lo cho đi học Đại học thời gian 18 tháng nữa mới ra trường. Trường hợp ly hôn chị T yêu cầu anh Q hỗ trợ mỗi tháng 3.000.000 đồng x 18 tháng = 54.000.000 đồng để chị lo chi phí học tập cho L. Tại phiên tòa chị T rút lại yêu cầu, không yêu cầu anh Q hổ trợ 54.000.000 đồng chi phí học tập cho L.

Về tải sản chung: Thửa đất số 44, tờ bản đồ số 28, diện tích 306,1m^2, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 11/02/2015 cho chị Mai Thị Thanh T đứng tên. Tuy nhiên, đã bán cho anh C1 để trả nợ chung của vợ chồng nên không đồng ý chia theo yêu cầu của anh Q.

+ Trường hợp ly hôn đồng ý chia cho anh Q ½ giá trị quán ăn, vật kiến T trên thửa đất số 44 và 49 theo biên bản định giá ngày 22/4/2020 số tiền là 75.966.000 đồng.

+ Xe mô tô 03 chiếc gồm: Hiệu Airblack biển số 66H-6888, anh Q đứng tên, chị T đang quản lý, sử dụng; Airblack biển số 66C1-464-99, anh Q mua, anh Q đang quản lý, sử dụng; Yamaha 66C1-168 88 chị T đứng tên, chị T đang quản lý, sử dụng anh Q và chị T tự thỏa thuận không yêu giải quyết.

+ Căn nhà cấp 4 xây dựng trên phần đất của bà X (mẹ ruột), anh Q và chị T

tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

+ Đồng ý tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng đất ngày 20/11/2019 giữa chị T và ông C1 đối với thửa đất 44 và 49.

+ Chị T yêu cầu chia đôi (giá trị xe 220.000.000 đồng) chiếc xe ô tô 7 chỗ nhãn hiệu INOVA, biển số 52Z- 4991 có nguồn gốc là mua của anh M trong thời kỳ hôn nhân (anh Q đang giữ), yêu cầu chia số tiền 110.000.000 đồng. Tại phiên tòa chị T rút lại yêu cầu, không yêu cầu anh Q chia số tiền 110.000.000 đồng (giá trị chiếc xe ô tô 7 chỗ nhãn hiệu INOVA, biển số 52Z- 4991).

- Chị T xác định vợ chồng có nợ chung trong thời kỳ hôn nhân nhưng đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất để trả nợ xong nên hiện tại vợ chồng không có nợ chung.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Lê Mạnh C1- người đại diện theo ủy quyền ông Cao M Trí trình bày:

Ngày 20-11-2019, chị Mai Thị Thanh T thỏa thuận chuyển nhượng cho ông Lê Mạnh C1 02 phần đất theo 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

- Diện tích 316m^2 thửa 2886, 2887 (thửa 49), tờ bản đồ 2, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên hộ Mai Thị Thanh T (trang 4) cấp ngày 16-02-2004;

- Diện tích 306,1m^2 thửa 44, tờ bản đồ 28, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho Mai Thị Thanh T ngày 11-02-2015;

Giá chuyển nhượng 02 thửa đất 44, 49 và công trình (quán, tài sản trong quán....) là 2.500.000.000 đồng.

Do giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chị T đang thế chấp vay Ngân hàng nên hai bên làm giấy thỏa thuận đặt cọc, theo đó, ông C1 giao trước cho chị T 2.300.000.000 đồng để trả nợ Ngân hàng.

Ngày 21-11-2019, tại Phòng Công chứng Phan Phú Đông, chị Mai Thị Thanh T, ông Lê Mạnh C1 ký 02 hợp đồng chuyển nhượng đất đối với thửa 44 và 49. Hiện chị T giao đất và tài sản trên đất cho ông C1 quản lý, sử dụng. Ông C1 có yêu cầu độc lập:

- Yêu cầu công nhận tính hiệu lực của hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa Mai Thị Thanh T, Đào Văn Q, Đào Mai T Quỳnh (anh Q ủy quyền cho chị T) với ông Lê Mạnh C1 đối với thửa số 49, tờ bản đồ số 29, diện tích 305m^2 (trong đó: đất ở nông thôn 128m^2, đất trồng cây lâu năm 177m^2) được công chứng ngày 21/11/2019 tại Văn phòng công chứng Tân Phú Đông, thành phố Sa Đéc.

- Yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa Mai Thị Thanh T, với ông Lê Mạnh C1 đối với thửa số 44, tờ bản đồ số 28, diện tích 306,1m^2 (trong đó: đất ở nông thôn 128m^2, đất trồng cây lâu năm 178,1m^2) được công chứng ngày 21/11/2019 tại Văn phòng công chứng Tân Phú Đông, thành phố Sa Đéc.

- Yêu cầu hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 16/2019/QĐ-BPKCTT ngày 03/12/2019 của Tòa án nhân dân huyện C, về cấm chuyển dịch về quyền tài sản đối với tài sản tranh chấp đối với thửa 44, tờ bản đồ số 28, diện tích 306,1m^2 để ông C1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ông C1 đồng ý trả tiền chuyển nhượng đất còn lại cho chị T số tiền

200.000.000 đồng.

Trường hợp chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, anh Nguyễn Ngọc M có lời khai trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:

Anh không có họ hàng gì với anh Q và chị T. Anh M kinh doanh mua bán xe ô tô nên có nhờ anh Q về các tỉnh Miền Tây tìm xe để mua và anh trả tiền môi giới cho anh Q. Chiếc xe ô tô nhãn hiệu INNOVA, biển số 50Z-4991 có nguồn gốc thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông Phan Văn Mé và bà Đặng Thị Hương. Năm 2016 anh mua lại của ông Mé, bà Hương nhưng với mục đích mua đi bán lại nên hai bên chỉ lập hợp đồng ủy quyền ngày 08/6/2016 mà không sang tên đăng ký. Lý do anh giao xe ô tô trên cho anh Q quản lý, sử dụng là để anh Q có phương tiện đi lại làm môi giới việc mua bán xe cho anh. Anh xác định chiếc xe nói trên vẫn thuộc quyền sở hữu của anh. Trường hợp anh Q muốn mua lại thì hai bên thỏa thuận hoặc nếu không thực hiện công việc môi giới nữa thì trả lại cho anh.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn Luật sư Trương Ngọc S trình bày:

Các vấn đề hôn nhân, con chung và một số tài sản khác giữa anh Q và chị T đã thỏa thuận với nhau đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Đối với thửa đất số 44, tờ bản đồ số 28, diện tích 306,1m^2, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 11/02/2015 cho chị Mai Thị Thanh T đứng tên được các bên xác định là tài sản chung thì không phải chứng M. Về quyền tài sản thì anh Q và chị T cùng có quyền đối với thửa đất nói trên. Tuy nhiên, chị T đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất nói trên cho ông Lê Mạnh C1 mà không có sự đồng ý của anh Q. Vì vậy, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa chị T và ông C1 đối với thửa đất trên là trái quy định của pháp luật. Trên cơ sở đó, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố vô hiệu một phần đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa Mai Thị Thanh T, với ông Lê Mạnh C1 đối với thửa số 44, tờ bản đồ số 28, diện tích 306,1m^2 (trong đó: đất ở nông thôn 128m^2, đất trồng cây lâu năm 178,1m^2) được công chứng ngày 21/11/2019 tại Văn phòng công chứng Tân Phú Đông, thành phố Sa Đéc. Theo đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Q chia cho anh Q ½ thửa đất số 44, tờ bản đồ số 28.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn Luật sư Võ Thành N trình bày:

- Về hôn nhân các bên đã thống nhất ly hôn đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn của anh Q và chị T.

- Đối với thửa đất số 44, tờ bản đồ số 28, diện tích 306,1m^2, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 11/02/2015 cho chị Mai Thị Thanh T đứng tên được các bên xác định là tài sản chung. Tuy nhiên, trong thời gian chung sống anh Q và chị T làm ăn thất bại và có nợ nhiều người. Vấn đề này anh Q có biết. Anh Q thừa nhận có nợ Ngân hàng, có mượn nợ của người thân bên gia đình anh Q và bên gia đình chị T. Vì thế sau khi chị T chuyển nhượng quyền sử dụng đất (cả 02 thửa đất) đã trả nợ chung nhiều hơn giá trị của

thửa đất, số tiền còn lại đã lo cho các con ăn học nên không còn. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu của anh Q về việc chia ½ thửa đất số 44.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

* Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

* Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa:

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Nguyên đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Qua phát biểu tranh luận và trên cơ sở phân tích, đánh giá chứng cứ thể hiện trong hồ sơ, đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa anh Đào Văn Q với chị Mai Thị Thanh T.

2. Về con chung và cấp dưỡng: Anh Q và chị T xác định có 02 con chung tên: Đào Mai T Quỳnh, sinh ngày 27/02/1999 và Đào Mai Huỳnh L, sinh ngày 30/12/2002 (trường thành, tự lao động sinh sống được) không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Đình chỉ yêu cầu của chị T về việc yêu cầu anh Q hỗ trợ chi phí học tập cho Đào Mai Huỳnh L số tiền 54.000.000 đồng.

3. Về tài sản chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa anh Đào Văn Q và chị Mai Thị Thanh T:

- Chị Mai Thị Thanh T chia cho anh Đào Văn Q ½ giá trị quán ăn, vật kiến T trên thửa đất số 44 và 49 số tiền là 75.966.000 đồng.

- Đối với 03 chiếc xe mô tô gồm: Hiệu Airblack biển số 66H-6888; Hiệu Airblack biển số 66C1-464-99; Hiệu Yamaha 66C1-168 88 anh Q và chị T tự thỏa thuận nên không xem xét giải quyết.

- Đối với căn nhà cấp 4 xây dựng trên phần đất của bà X (mẹ ruột chị T), anh Q và chị T tự thỏa thuận nên không xem xét giải quyết.

- Không chấp nhận yêu cầu của anh Đào Văn Q yêu cầu tuyên bố vô hiệu một phần đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa Mai Thị Thanh T, với ông Lê Mạnh C1 đối với thửa số 44, tờ bản đồ số 28, diện tích 306,1m^2 được công chứng ngày 21/11/2019 tại Văn phòng công chứng Tân Phú Đông, thành phố Sa Đéc và yêu cầu chia ½ diện tích thửa đất số 44, tờ bản đồ 28, diện tích 306,1m^2, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 11/02/2015 cho chị Mai Thị Thanh T.

- Đình chỉ yêu cầu của chị T về việc yêu cầu anh Q chia đôi giá trị chiếc xe ô tô 7 chỗ nhãn hiệu INOVA, biển số 52Z- 4991 với số tiền 110.000.000 đồng.

4. Về nợ chung: Anh Q và chị T xác định hiện tại không có nên không xem xét.

5. Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Lê Mạnh C1:

Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa Mai Thị Thanh T, Đào Văn Q, Đào Mai T Quỳnh (anh Q ủy quyền cho chị T) với ông Lê Mạnh C1 đối với thửa số 49, tờ bản đồ số 29, diện tích 305m^2 (trong đó: đất ở nông thôn 128m^2, đất trồng cây lâu năm 177m^2) và hợp đồng chuyển nhượng QSD đất giữa Mai Thị Thanh T, với ông Lê Mạnh C1 đối với thửa số 44, tờ bản đồ số 28, diện tích 306,1m^2 (trong đó: đất ở nông thôn 128m^2, đất trồng cây lâu năm 178,1m^2) được công chứng ngày 21/11/2019 tại Văn phòng công chứng Tân Phú Đông, thành phố Sa Đéc.

Hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 16/2019/QĐ-BPKCTT ngày 03/12/2019 của Tòa án nhân dân huyện C, về cấm chuyển dịch về quyền tài sản đối với tài sản tranh chấp đối với thửa 44, tờ bản đồ số 28, diện tích 306,1m^2.

- Buộc ông Lê Mạnh C1 trả tiếp cho chị Mai Thị Thanh T số tiền chuyển nhượng đất còn lại là 150.000.000 đồng và trả cho anh Đào Văn Q số tiền chuyển nhượng đất của thửa 44, tờ bản đồ 28 số tiền là 50.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Đào Văn Q có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn giữa anh Q với chị Mai Thị Thanh T, đây là vụ án "Ly hôn". Bị đơn cư trú tại huyện C, tỉnh Đ, cho nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu của anh Q yêu cầu được ly hôn với chị T, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Q và chị T chung sống với nhau năm 1996 và đăng ký kết hôn ngày 12-12-1996 tại Uỷ ban nhân dân xã An Nhơn, huyện C, Đ theo quy định của pháp luật. Vì vậy, hôn nhân của anh Q và chị T là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật bảo vệ.

Anh Q trình bày giữa anh và chị T mâu thuẫn phát sinh từ tháng 6/2019, nguyên nhân là do tiền bạc, thường bất đồng quan điểm sống dẫn đến mất H phúc trong gia đình. Từ đó, anh Qúy và chị T ly thân. Anh Q xác định không còn tình cảm với chị T nên yêu cầu được ly hôn. Chị T xác định nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Qúy làm ăn thất bại, kinh tế khó khăn, anh Qúy không phụ lo chi phí sinh hoạt trong gia đình, không tiếp trả nợ. Anh Q còn chung sống với người phụ nữ khác. Chị T và anh Q đã ly thân từ tháng 6/2019. Hiện nay cũng không còn tình cảm với anh Q. Vì vậy, chị T đồng ý ly hôn cùng anh Q. Qua đó, chứng tỏ mâu thuẫn giữa anh Q với chị T là trầm trọng, tình cảm vợ chồng đã không thể hàn gắn lại với nhau được, mục đích hôn nhân không đạt được và cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục kéo dài. Vì vậy, việc anh Q và chị T thuận tình ly hôn đã thỏa mãn các điều kiện theo quy định tại Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử công nhận việc thuận tình ly hôn giữa anh Đào Văn Q và chị Mai Thị Thanh T là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về con chung: Anh Q và chị T có 02 con chung tên Đào Mai T Quỳnh, sinh ngày 27/02/1999 và Đào Mai Huỳnh L, sinh ngày 30/12/2002 (trường thành, tự lao động sinh sống được), anh Q, chị T không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Tại phiên tòa chị T rút lại yêu cầu, không yêu cầu anh Q hỗ trợ chi phí học tập cho Đào Mai Huỳnh L. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung:

[5.1] Anh Đào Văn Q và chị Mai Thị Thanh T thống nhất quán ăn, vật kiến T trên thửa đất số 44 và 49, có giá theo biên bản định giá ngày 22/4/2020 là 151.932.324 đồng là tài sản chung của vợ chồng. Anh Q yêu cầu chia đôi giá trị với số tiền là 75.966.000 đồng, chị T đồng ý. Do đó, Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận trên giữa anh Q và chị T.

[5.2] Đối với 03 chiếc xe mô tô gồm: Hiệu Airblack biển số 66H-6888, anh Q đứng tên, chị T đang quản lý, sử dụng; Airblack biển số 66C1-464-99, anh Q mua, anh Q đang quản lý, sử dụng; Yamaha 66C1-168 88 chị T đứng tên, chị T đang quản lý, sử dụng; anh Q và chị T tự thỏa thuận không yêu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5.3] Đối với căn nhà cấp 4 xây dựng trên phần đất của bà X (mẹ ruột chị T), anh Q và chị T tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5.4] Tại phiên tòa chị T rút lại yêu cầu, không yêu cầu anh Q chia số tiền 110.000.000 đồng (giá trị chiếc xe ô tô 7 chỗ nhãn hiệu INOVA, biển số 52Z-4991) nên đình chỉ yêu cầu này của chị T.

[5.5] Anh Đào Văn Q yêu cầu tuyên bố vô hiệu một phần hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất diện tích 306,1m^2 thuộc thửa đất số 44, tờ bản đồ số 28, giữa Mai Thị Thanh T, với ông Lê Mạnh C1, được công chứng ngày 21/11/2019 tại Văn phòng công chứng Tân Phú Đông, thành phố Sa Đéc và anh Q yêu cầu chia ½ diện tích 306,1m^2; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 11/02/2015 cho chị Mai Thị Thanh T đứng tên; Hội đồng xét xử xét thấy: thửa đất số 44 được anh Q, chị T xác định là tài sản chung của vợ chồng. Tuy nhiên, thửa đất trên chị T đã chuyển nhượng cho ông Lê Mạnh C1 trước thời điểm anh Q xin ly hôn. Chị T trình bày mục đích chuyển nhượng là để trả nợ chung của vợ chồng và đã có thông báo cho anh Q biết. Tại thời điểm chuyển nhượng, quyền sử dụng đất đang thế chấp vay tiền tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh huyện C, với số tiền 1.000.000.000 đồng, lãi phát sinh đến thời điểm thanh toán là 1.002.178.082 đồng và còn nợ những người khác (người thân bên gia đình anh Q và gia đình chị T) là 690.000.000 đồng; 23,5chỉ vàng 24k và 20 chỉ vàng 18k, tổng số tiền nợ là 1.692.178.082 đồng; 23,5chỉ vàng 24k và 20 chỉ vàng 18k. Số tiền chuyển nhượng đất là 2.500.000.000 đồng, chị T dùng để thanh toán hết 1.692.178.082 đồng; 23,5chỉ vàng 24k và 20 chỉ vàng 18k. Số tiền còn lại chị T trình bày đã lo chi phí học tập cho 02 con chung. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Q không thừa nhận số nợ như chị T trình bày. Tuy nhiên, tại phiên tòa anh Q thừa nhận trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng có vay nợ của người thân bên gia đình anh Q và gia đình chị T để làm vốn mua bán xe, kinh doanh quán ăn, nhưng sau đó anh Q đã đưa tiền cho chị T trả nợ xong. Đồng thời anh Q thừa nhận khi chuyển nhượng đất chị T có thông báo cho anh Q biết là chuyển nhượng đất để

trả nợ Ngân hàng, anh Q thừa nhận còn nợ Ngân hàng khoảng 700.000.000 đồng và đã trả được một số những không xác định được là bao nhiêu. Tuy nhiên, trên thực tế chị T đã thanh toán tất cả các khoản nợ sau khi chuyển nhượng đất, với sự xác nhận của các chủ nợ (là những người thân bên gia đình anh Q và chị T gồm: Bà Phạm Thị H 3,5 chỉ vàng 24 K, bà Lê Thị X 50.000.000 đồng và 20 chỉ vàng 24K, chị Đào Thị H1 20 chỉ vàng 18K, ông Mai An H2 400.000.000 đồng, ông Mai An M 100.000.000 đồng, ông Mai An Khương 140.000.000 đồng và chứng từ thanh toán nợ Ngân hàng 1.002.178.082 đồng), phù hợp với số nợ chị T trình bày và thời gian trả nợ là sau khi chuyển nhượng đất. Vì vậy, chị T trình bày thửa đất số 44 chuyển nhượng dùng để trả nợ chung của vợ chồng là có căn cứ.

Về thủ tục chuyển nhượng thửa 44, tại Công văn số 1924/UBND-NC ngày 05/6/2020 của Ủy ban nhân dân huyện C xác định "thửa đất số 44, tờ bản đồ 28, diện tích 306,1m^2, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 11/02/2015 ghi tên bà Mai Thị Thanh T là cấp cho cá nhân bà Mai Thị Thanh T". Do đó, một mình chị T ký hợp đồng chuyển nhượng cho ông C1 là phù hợp pháp luật.

Với những phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận tòan bộ các yêu cầu của anh Đào Văn Q.

[6] Ông Lê Mạnh C1 yêu cầu Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa Mai Thị Thanh T, Đào Văn Q, Đào Mai T Quỳnh (anh Q ủy quyền cho chị T) với ông Lê Mạnh C1 đối với thửa số 49, tờ bản đồ số 29, diện tích 305m^2 và hợp đồng chuyển nhượng QSD đất giữa Mai Thị Thanh T, với ông Lê Mạnh C1 đối với thửa số 44, tờ bản đồ số 28, diện tích 306,1m^2 được công chứng ngày 21/11/2019 tại Văn phòng công chứng Tân Phú Đông, thành phố Sa Đéc, Hội đồng xét xử xét thấy:

[6.1] Đối với thửa số 49, tờ bản đồ số 29, diện tích 305m^2 anh Q không tranh chấp, chị T đồng ý tiếp tục chuyển nhượng thửa đất trên cho ông C1. Theo đó, Hội đồng xét xử công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa Mai Thị Thanh T, Đào Văn Q, Đào Mai T Quỳnh (anh Q ủy quyền cho chị T) với ông Lê Mạnh C1 đối với thửa số 49, tờ bản đồ số 29, diện tích 305m^2 được công chứng ngày 21/11/2019 tại Văn phòng công chứng Tân Phú Đông, thành phố Sa Đéc có hiệu lực.

[6.2] Đối với hợp đồng chuyển nhượng QSD đất giữa Mai Thị Thanh T, với ông Lê Mạnh C1 đối với thửa số 44, tờ bản đồ số 28, diện tích 306,1m^2 được công chứng ngày 21/11/2019 tại Văn phòng công chứng Tân Phú Đông, thành phố Sa Đéc như đã phân tích tại mục [5.5]. Theo đó, Hội đồng xét xử công nhận hợp đồng chuyển nhượng QSD đất giữa Mai Thị Thanh T, với ông Lê Mạnh C1 đối với thửa số 44, tờ bản đồ số 28, diện tích 306,1m^2 được công chứng ngày 21/11/2019 tại Văn phòng công chứng Tân Phú Đông, thành phố Sa Đéc có hiệu lực.

[6.3] Đối với yêu cầu của ông Lê Mạnh C1 yêu cầu hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 16/2019/QĐ-BPKCTT ngày 03/12/2019 của Tòa án nhân dân huyện C, về cấm chuyển dịch về quyền tài sản đối với tài sản tranh chấp đối với thửa 44, tờ bản đồ số 28, diện tích 306,1m^2, Hội đồng xét xử xét thấy: do công nhận hợp đồng chuyển nhượng QSD đất giữa Mai Thị Thanh T, với ông Lê Mạnh C1 đối với thửa số 44, tờ bản đồ số 28, diện tích 306,1m^2 được công chứng ngày 21/11/2019 tại Văn phòng công chứng Tân Phú Đông, thành phố Sa Đéc có hiệu lực

nên nội dung của quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 16/2019/QĐ-BPKCTT ngày 03/12/2019 của Tòa án nhân dân huyện C đã được giải quyết. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu của ông Lê Mạnh C1 yêu cầu hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 16/2019/QĐ-BPKCTT ngày 03/12/2019 của Tòa án nhân dân huyện C.

Trên cơ sở đó chấp nhận T3 bộ yêu cầu độc lập của ông Lê Mạnh C1.

[6.4] Đối với số tiền 200.000.000 đồng ông C1 còn nợ trong việc chuyển nhượng thửa đất số 49 và 44. Ông C1 đồng ý trả tiền chuyển nhượng đất còn lại cho chị T số tiền 200.000.000 đồng. Anh Q xác định không yêu cầu chia số tiền này. Chị T xác định số tiền chuyển nhượng 02 thửa đất là 2.500.000.000 đồng (đã nhận 2.300.000.000 đồng, số tiền còn lại 200.000.000 đồng), chị đã dùng trả nợ chung số tiền nhiều hơn giá trị của thửa đất 44. Do đó, cũng không có căn cứ xác định số tiền 200.000.000 đồng còn lại là tiền chuyển nhượng của thửa đất nào. Vì vậy công nhận sự thỏa thuận giữa ông Lê Mạnh C1 và chị Mai Thị Thanh T. Ông C1 đồng ý trả tiền chuyển nhượng đất còn lại cho chị T 200.000.000 đồng là phù hợp.

[7] Về nợ chung: Anh Đào Văn Q và chị Mai Thị Thanh T xác định hiện tại không có nợ ai nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Căn cứ phân tích, đánh giá tại mục [5.5] thì phát biểu của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn Đào Văn Q tại phiên tòa là không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn Mai Thị Thanh T.

[10] Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát tại phiên tòa về nội dung vụ án.

[11] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 24; điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Anh Đào Văn Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định của pháp luật.

Đối với án phí chia tài sản chung giữa anh Q và chị T:

- Anh Q và chị T mỗi người được chia giá trị tài sản số tiền là 75.966.000 đồng nên mỗi người phải nộp án phí đối với tài sản được chia. Mức án phí theo quy định là *"Từ 6.000.000 đồng đến 400.000.000 đồng là 5% giá trị tài sản có tranh chấp"*. Theo đó anh Q và chị T mỗi người phải nộp 3.798.300 đồng án phí chia tài sản.

- Đối với yêu cầu chia ½ thửa đất số 44 của anh Q không được chấp nhận thì anh Q phải chịu án phí đối với yêu cầu không được chấp nhận. Giá đất thửa 44 theo biên bản định giá là 315.439.000 đồng. Theo đó ½ thửa có giá là 157.719.500 đồng. Mức án phí anh Q phải chịu theo quy định là *"Từ 6.000.000 đồng đến 400.000.000 đồng là 5% giá trị tài sản có tranh chấp"*. Theo đó anh Q phải nộp 7.886.000 đồng.

- Không chấp nhận yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng đất giữa ông

C1 và chị T vô hiệu nên anh Q phải chịu án phí không có giá ngạch là 300.000 đồng.

Tổng cộng anh Q phải chịu án phí là 12.264.300 đồng *(mười hai triệu hai trăm sáu mươi bốn ngàn ba trăm đồng)*.

- Ông Lê Mạnh C1 trả cho chị Mai Thị Thanh T số tiền 200.000.000 đồng thì mức án phí ông C1 phải chịu theo quy định là *"Từ 6.000.000 đồng đến 400.000.000 đồng là 5% giá trị tài sản có tranh chấp"*. Theo đó ông C1 phải nộp 10.000.000 đồng (*mười triệu đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

[12] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chổ, đo đạc và định giá: Do yêu cầu của anh Q không được chấp nhận nên anh Q phải chịu T3 bộ. Anh Q đã nộp tạm ứng số tiền 3.098.730 đồng (đã nộp và chi xong), chị T nộp tạm ứng số tiền 600.000 đồng (đã chi xong). Anh Q phải hoàn trả cho chị T số tiền 600.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 55, Điều 59, Điều 62 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 500, 501, 502 của Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; Điều 155, Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 24, điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Đào Văn Q và chị Mai Thị Thanh T.

2. Về con chung: Anh Q và chị T có 02 con chung tên Đào Mai T Quỳnh, sinh ngày 27/02/1999 và Đào Mai Huỳnh L, sinh ngày 30/12/2002 (trường thành, tự lao động sinh sống được), anh Q, chị T không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung:

Công nhận sự thỏa thuận giữa anh Đào Văn Q và chị Mai Thị Thanh T:

Chị Mai Thị Thanh T chia cho anh Mai Văn Q ½ giá trị quán ăn, vật kiến T số tiền là 75.966.000 đồng (*bảy mươi lăm triệu chín trăm sáu mươi sáu ngàn đồng*).

Đình chỉ yêu cầu của chị T về việc yêu cầu anh Q chia đôi giá trị chiếc xe ô tô 7 chỗ nhãn hiệu INOVA, biển số 52Z- 4991 với số tiền 110.000.000 đồng (*một trăm mười triệu đồng*).

4. Không chấp nhận yêu cầu của anh Đào Văn Q về việc yêu cầu tuyên bố vô hiệu một phần đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa chị Mai Thị Thanh T với ông Lê Mạnh C1 đối với thửa số 44, tờ bản đồ số 28, diện tích 306,1m^2, được công chứng ngày 21/11/2019 tại Văn phòng công chứng Tân Phú Đông, thành phố Sa Đéc.

5. Không chấp nhận yêu cầu của anh Đào Văn Q yêu cầu chia ½ diện tích thửa đất số 44, tờ bản đồ 28, diện tích 306,1m^2, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 11/02/2015 cho chị Mai Thị Thanh T.

6. Về nợ chung: Anh Đào Văn Q và chị Mai Thị Thanh T xác định hiện tại không có.

7. Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa Mai Thị Thanh T, Đào Văn Q, Đào Mai T Quỳnh (anh Q ủy quyền cho chị T) với ông Lê Mạnh C1 đối với thửa số 49, tờ bản đồ số 29, diện tích 305m^2 (trong đó: đất ở nông thôn 128m^2, đất trồng cây lâu năm 177m^2) và hợp đồng chuyển nhượng QSD đất giữa Mai Thị Thanh T, với ông Lê Mạnh C1 đối với thửa số 44, tờ bản đồ số 28, diện tích 306,1m^2 (trong đó: đất ở nông thôn 128m^2, đất trồng cây lâu năm 178,1m^2) được công chứng ngày 21/11/2019 tại Văn phòng công chứng Tân Phú Đông, thành phố Sa Đéc có hiệu lực.

Kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật thì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 16/2019/QĐ-BPKCTT ngày 03/12/2019 của Tòa án nhân dân huyện C trong quá trình giải quyết vụ án bị hủy bỏ.

Công nhận sự thỏa thuận giữa ông Lê Mạnh C1 và chị Mai Thị Thanh T. Ông Lê Mạnh C1 trả cho chị Mai Thị Thanh T tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất còn nợ là 200.000.000 đồng (*hai trăm triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

8. Về án phí và tạm ứng án phí:

Anh Đào Văn Q phải nộp 12.264.300 đồng *(mười hai triệu hai trăm sáu mươi bốn ngàn ba trăm đồng)* án phí dân sự sơ thẩm, sau khi khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) theo biên liên thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007197 ngày 03/12/2019; 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng) theo biên liên thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007198 ngày 03/12/2019, 41.000.000 đồng (*bốn mươi một triệu đồng*) theo biên liên thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007212 ngày 06/12/2019. Anh Đào Văn Q được hoàn lại 41.035.700 đồng *(bốn mươi một triệu không trăm ba mươi lăm ngàn bảy trăm đồng)* tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đ.

Chị Mai Thị Thanh T nộp 3.798.300 đồng (*ba triệu bảy trăm chín mươi tám ngàn ba trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, sau khi khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.750.000 đồng theo biên liên thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007517 ngày 17/4/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đ, chị T còn phải nộp tiếp 1.048.300 đồng *(một triệu không trăm bốn mươi tám ngàn ba trăm đồng).*

Ông Lê Mạnh C1 phải nộp 10.000.000 đồng (*mười triệu đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, sau khi khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên liên thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007529 ngày 27/4/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đ, ông C1 còn phải nộp tiếp 9.700.000 đồng *(chín triệu bảy trăm ngàn đồng).*

9.Về chi phí xem xét, thẩm định tại chổ, đo đạc và định giá: Anh Đào Văn Q nộp 3.098.730 đồng (đã nộp và chi xong). Anh Q phải hoàn trả cho chị T số tiền 600.000 đồng (*sáu trăm ngàn đồng*).

10. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

11. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đ;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- UBND xã An N;
- Lưu: HSVA, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thanh Hoàng